

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Tuyết Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Triệu Phúc Vượng và Bà Nguyễn Thị Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Giang Tiến Hiệp -Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vì Thị T, sinh năm 1996; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu.  
(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn S, sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

(Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” cùng các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Vì Thị T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Quàng Văn S tìm hiểu và yêu nhau, về chung sống với nhau từ năm 2014 nhưng đến ngày 10/5/2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị và anh S hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu về chung sống với nhau giữa chị và anh S rất hạnh phúc nhưng chỉ được 4 đến 5 tháng thì chị phát hiện anh S chơi bời, nghiện ma túy, bán và cầm cố hết tài sản gia đình. Chị T và gia đình đã khuyên bảo anh S nhiều lần nhưng anh S không thay đổi nên đến năm 2019 chị đã sống ly thân với anh S cho đến nay. Chị xét thấy tình cảm của chị không còn dành cho anh S, chị và anh

S không còn yêu thương quan tâm đến nhau. Vì vậy, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quảng Văn S.

2. Về con chung: Chị và anh Quảng Văn S có 01 con chung là Quảng Nhật Thiên, sinh ngày 06/11/2017, hiện con chung đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Nghề nghiệp của chị làm ruộng và đi làm thuê thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 05 đến 06 triệu đồng. Chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh S không có công việc và thu nhập, sống lang thang không ở ổn định một nơi và còn là đối tượng nghiện chất ma túy.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Sau khi thụ lý vụ án, anh Quảng Văn S mặc dù biết chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và được chị T giao các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa theo hướng dẫn của Tòa án nhưng anh S không nhận. Anh S đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ đến Tòa để làm việc nhưng cố tình vắng mặt mà không có lý do.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 177, 179, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vì Thị T và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh S; Về con chung: Giao con chung là Quảng Nhật Thiên, sinh ngày 06/11/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Anh Quảng Văn S có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Anh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 02/8/2022, Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh S tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Quảng Văn S là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Vì Thị T và anh Quảng Văn S đăng ký kết hôn ngày 10/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc theo giấy đăng ký kết hôn số 15/2018. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh S hạnh phúc được khoảng 04 đến 05 tháng sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh S chơi bời, không chịu làm ăn, nghiện hút ma túy, phá sản tài sản nên đến đầu năm 2019 chị đã sống ly thân với anh S từ đó cho đến nay. Trong suốt thời gian sống ly thân giữa chị và anh S cũng không hàn gắn được tình cảm và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh cố tình không đến Tòa án để làm các thủ tục ly hôn với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị T và anh S kéo dài và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, giữa chị T và anh S không còn dành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Đặc biệt chị T không còn tình cảm yêu thương đối với anh S, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh S. Đến nay, chị thấy anh S không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh cố tình trốn tránh việc đến Tòa để làm các thủ tục ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị T và anh S đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ủy ban nhân dân xã Thân Thuộc cũng đã xác định giữa chị T và anh S thường xuyên mâu thuẫn, anh S thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên yêu cầu khởi kiện của chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3] Về con chung:** Con chung Quảng Nhật T, sinh ngày 06/11/2017. Hiện con chung đang sinh sống cùng với chị T tại bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hiện chị làm ruộng và đi làm thuê thu nhập bình quân khoảng

05 đến 06 triệu đồng/01 tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không đến Tòa án và anh S không ở nhà ổn định, sống lang thang. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của con chung Quàng Nhật T, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị T được ly hôn với anh Quàng Văn S
2. Về con chung: Giao con chung là Quàng Nhật T, sinh ngày 06/11/2017 cho chị Vi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Quàng Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vi Thị T không yêu cầu anh Quàng Văn S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về chia tài sản chung: Chị Vi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000461 ngày 24/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

**6. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi Cục THADS huyện Tân Uyên;
- UBND xã Thân Thuộc;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Tuyết Thanh**